

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2019.

V/ v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.
2. Ông Đinh Thanh Hải

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang– Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1982.

HKTT: Số nhà 20, tổ 25, phường Th, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh B.

(Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1983.

HKTT: Số nhà 20, tổ 25, phường Th, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay đang ở Đài Loan.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, không ai ép buộc, lừa dối ai. Năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng được một thời gian chị cảm thấy anh chị phát sinh mâu thuẫn. Theo chị nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh Th không có trách nhiệm với vợ con. Mặc dù

được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 5 năm 2014, do kinh tế khó khăn nên anh Th đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời hạn hợp đồng là 03 năm nhưng khi hết hạn hợp đồng anh Th không về nước mà sống lưu vong tại Đài Loan. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Th. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh Th chị không biết để cung cấp và gia đình anh Th cũng không có địa chỉ cụ thể của anh Th ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 02/7/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Biên bản làm việc của Tòa án ngày 11/7/2019 (lần 1) Toà án đã yêu cầu Bà Nguyễn Thị H - đại diện thân nhân (mẹ đẻ) của anh Nguyễn Ngọc Th cho biết địa chỉ cụ thể của anh Th ở nước ngoài nhưng bà H xác định anh Th hiện đang ở Đài Loan và vẫn thỉnh thoảng gọi điện về cho gia đình bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài anh Th để cung cấp cho Tòa án. Tại biên bản làm việc ngày 06/8/2019 (lần 2) của Toà án, Bà Hiền cũng vẫn xác định anh Thành đang ở nước ngoài nhưng bà cũng vẫn không biết địa chỉ của anh Th. Sau khi nhận các văn bản của Toà án bà cho biết: Về quan hệ hôn nhân, anh Th xác định như chị T trình bày là đúng. Anh Th và chị T có mâu thuẫn, đối với việc chị T xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị T đã khai, hai cháu phát triển bình thường, khỏe mạnh. Do anh đang ở nước ngoài nên anh nhất trí để chị T nuôi cả hai con. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh đồng ý, không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Hiện anh Th đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 3957/PA01(XNC) ngày 25/6/2019 của Công an tỉnh Thái Nguyên về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam –Anh Nguyễn Ngọc Th đã xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài ngày 19/02/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị T là người Việt Nam ở trong nước và bị đơn anh Nguyễn Ngọc Th là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng chị T chỉ cung cấp được địa

chỉ cư trú cuối cùng của anh Th ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Th hiện nay ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh Th là bà Nguyễn Thị H, có đủ căn cứ xác định anh Th vẫn liên hệ với bà và gia đình bà nhưng bà H không cung cấp địa chỉ của bị đơn anh Th và anh Th cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án yêu cầu đến lần thứ hai nhưng bà H cũng không cung cấp địa chỉ của anh Th ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Ngọc Th và chị Trần Thị T trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T khai: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, vui vẻ, hạnh phúc với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế khó khăn, anh Th phải đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Theo chị là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm nên hay tranh cãi mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2017 anh Th hết hợp đồng lao động nhưng không về nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh chị không còn liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Phía bị đơn anh Th mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng xác định anh và chị T có mâu thuẫn, anh không còn tình cảm với chị T, về việc chị T xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa chị T và anh Th đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị T được ly hôn anh Th là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/02/2011 và cháu nhỏ là Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 02/7/2014. Hiện cả hai con đang ở chị T tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh B. Thông qua đại diện thân nhân là bà H, anh Th nhất trí để chị T nuôi cả hai con. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh đồng ý, không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản tự khai của cháu M (trên 7 tuổi) thì nguyện vọng cháu là ở với mẹ, do bố cháu đi làm xa. Anh Th hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cả hai con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 02/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Th do chị T không yêu cầu. Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, phía anh Th không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị được ly hôn với anh Th; Con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 02/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th vì chị T không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Th.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 28/02/2011 và Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 02/7/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Th do chị T không yêu cầu. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.
4. Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp số 0008799 ngày 02/7/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Th được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND Phường T, TPT
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương